

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/01/2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Đông
2. Ông Trương Văn Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm

Ngày 27/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11/01/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Đặng Thị Ngọc H, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ liên hệ: thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: anh Nguyễn Phước T, sinh năm 1993

Địa chỉ: số 735, ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

(Chị H và anh T cùng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc H trình bày:

Chị H và anh Nguyễn Phước T kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/4/2019; hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh T nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phước T.

- Về con chung: chị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: chị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: chị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Do điều kiện ở xa, đi lại khó khăn nên chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Theo bị đơn anh Nguyễn Phước T trình bày:

Vào năm 2019, qua thời gian tìm hiểu và được sự cho phép của gia đình 2 bên, anh T và chị Đặng Thị Ngọc H tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/4/2019. Thế nhưng vào đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp ý nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh T có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: anh T đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị Ngọc H.
- Về con chung: anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Do bận đi làm nên anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

Bị đơn anh Nguyễn Phước T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Đặng Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Phước T. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn*”.

- Bị đơn anh Nguyễn Phước T có địa chỉ cư trú tại ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Chị Đặng Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước T đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H và anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước T tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/4/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, chị H cho rằng chị và anh T bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên xin được ly hôn. Về phía anh T, anh T cũng thừa nhận giữa anh và chị H có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hợp ý nhau, thường xuyên cự cãi, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không thể hàn gắn tình cảm được nữa nên khi chị H xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Đặng Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước T là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: chị Đặng Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: chị Đặng Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: chị Đặng Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị Đặng Thị Ngọc H phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc H đối với bị đơn anh Nguyễn Phước T, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Đặng Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Phước T.

- Về con chung: chị Đặng Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: chị Đặng Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: chị Đặng Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Đặng Thị Ngọc H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000061 ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Chị H đã nộp xong tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: chị Đặng Thị Ngọc H và anh Nguyễn Phước T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương